

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUAN SƠN
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 15/2022/HSST
Ngày 29/9/2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUAN SƠN TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Bàn Hữu Văn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Nhật Quang
2. Ông Vi Văn Thịnh

- Thư ký phiên tòa: ông Hà Văn Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Quan Sơn tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Nhiên; Ông Phạm Trọng Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Sơn Thủy, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hoá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 16/2022/HSST ngày 22 tháng 8 năm 2022; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXXST - HS ngày 15 tháng 9 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Vi Văn A**, sinh ngày 27/2/1982; Tại huyện QS, tỉnh Thanh Hoá; Nơi cư trú: Bản C, xã ST, huyện QS, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Thái; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 0/12; Con ông Vi Văn V (đã chết); Con bà Phạm Thị N, sinh năm 1957; Vợ: Vi Thị H, sinh năm 1984; trú tại: bản C, xã ST, huyện QS, tỉnh Thanh Hóa. Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2006. Gia đình có 04 anh, chị, em, bị cáo là con thứ ba trong gia đình.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo lệnh số 07/2022/HSST-CĐKNCT ngày 05/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hoá; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Nguyên đơn dân sự: Ủy ban nhân dân huyện QS, Thanh Hoá.

Người đại diện theo pháp luật: ông Chu Đình T – Phó Chủ Tịch Thường trực Ủy ban nhân dân huyện QS, Thanh Hoá.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Lữ Văn T – Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã ST, huyện QS, tỉnh Thanh Hoá; Có mặt.

Người có nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị N, sinh năm 1957;
Nơi cư trú: Bản C, xã ST, huyện QS, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt

Nhân chứng: Anh Vi Văn T, sinh năm 1986;
Nơi cư trú: Bản C, xã ST, huyện QS, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt

Người bào chữa cho bị cáo: ông Nguyễn Ngọc K - Trợ giúp viên pháp lý ,
Chi nhánh số 1, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa. vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2004, gia đình bà Phạm Thị N được Nhà nước giao trông coi, bảo vệ diện tích 105.000m² (Một trăm linh năm ngàn mét vuông) đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên tại tiểu khu 184 thuộc bản C, xã ST, huyện QS, tỉnh Thanh Hoá; đến năm 2019, bà Phạm Thị N chia, giao cho hai con trai đẻ là Vi Văn A và Vi Văn T, đều trú tại bản C, xã ST, huyện QS, trông coi, bảo vệ, sản xuất. Do rừng thuộc rừng nghèo, giá trị kinh tế thấp vào cuối tháng 3 đầu tháng 4 năm 2022, Vi Văn A không xin phép Ủy ban nhân xã ST, Hạt kiểm lâm huyện QS và chủ rừng bà Phạm Thị N đã tự ý dùng cưa xăng và dao vào chặt, cưa cây rừng các loại trên diện tích rừng được chia, trông coi, quản lý để trồng cây vầu. Em trai của Vi Văn A là Vi Văn T, thấy anh trai chặt phá rừng cũng tự ý phát các cây dây leo, Chuối rừng (không chặt, phá các cây thân gỗ, cây Nứa) trên diện tích đất rừng mà T được mẹ chia trông coi, quản lý, để trồng cây vầu;

Diện tích rừng do Vi Văn A chặt, phá tại lô 8, lô 21, khoảnh 1, lô 3, lô 6, khoảnh 4, tiểu khu 184, đối tượng rừng sản xuất là rừng tự nhiên và lô 144, khoảnh 1 tiểu khu 15010, đối tượng rừng ngoài quy hoạch 3 loại rừng thuộc địa giới hành chính của bản C, xã ST, huyện QS, bị phá 14.700m² (Mười bốn ngàn bảy trăm mét vuông) trong đó có 9.360m² là diện tích rừng tự nhiên có các cây gỗ xen kẽ cây Nứa và 5.340m² diện tích rừng là đất trống chỉ có cây Chuối rừng thuần loài; Số lâm sản bị thiệt hại gồm: 08 (Tám) bụi Nứa = 118 cây có đường kính từ 5 – 10cm; 28 (Hai tám) cây gỗ thông thường, có đường kính gốc từ 17 – 55cm, Tổng khối lượng gỗ bị chặt phá là 18,541m³, các cây chủ yếu là cây non, chưa có lõi, một số

cây bị chết, cụt ngọn, rỗng ruột, bệnh vè, gỗ không có giá trị sử dụng, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện QS đã xử lý tiêu huỷ. trong giai đoạn điều tra.

Tại bản cáo trạng số 15/CT-VKSQS ngày 22/8/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện QS truy tố Vi Văn A về tội “Huỷ hoại rừng” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện QS giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Vi Văn A phạm tội “Huỷ hoại rừng”; Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện QS đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243, điểm s, m khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 65 – Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Vi Văn A từ 30 tháng đến 36 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng.

Về xử lý vật chứng: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 (một) cửa xăng màu cam, tay cầm màu đen và áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu, tiêu huỷ 01 (một) lưỡi lam cửa bằng kim loại và 01 (một) con dao quắm.

Về trách nhiệm dân sự: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự buộc Vi Văn A phải bồi thường cho Nhà nước số tiền 36.724.000đ (Ba sáu triệu, bảy trăm hai bốn ngàn đồng)

Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo Vi Văn A.

Về án phí: Buộc bị cáo Vi Văn A phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí giá ngạch theo quy định hiện hành.

Tại phiên tòa người bào chữa có văn bản bào chữa cho bị cáo Vi Văn A có quan điểm nhất trí với cáo trạng của Viện kiểm sát về việc truy tố tội danh. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến hoàn cảnh gia đình của bị cáo A như: bị cáo A là người là trụ cột trong gia đình, hai con đang còn nhỏ. Bị cáo A trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đều thành khẩn khai báo nhận tội, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định của pháp luật để xét xử bị cáo mức án thấp nhất để bị cáo thấy được khoan hồng của pháp luật;

Nói lời sau cùng bị cáo Vi Văn A đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện QS, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện QS, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp tuân thủ pháp luật.

[2] Về tội danh: Căn cứ lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa; căn cứ biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường, vật chứng thu giữ được, kết luận định giá tài sản, ý kiến của nguyên đơn dân sự, lời khai của bị cáo, cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Các tài liệu, chứng cứ hoàn toàn phù hợp và đủ cơ sở kết luận:

Vào cuối tháng 3, đầu tháng 4 năm 2022, Vi Văn A, sinh năm 1982, trú tại bản C, xã ST, huyện QS, tỉnh Thanh Hoá đã tự ý dùng cưa xăng và dao vào chặt, cưa cây rừng các loại trên diện tích rừng được mẹ đẻ bà Phạm Thị N chia, trông coi, quản lý để trồng cây vầu. Diện tích rừng do Vi Văn A chặt, phá tại lô 8, lô 21, khoảnh 1, lô 3, lô 6, khoảnh 4, tiểu khu 184, đối tượng rừng sản xuất là rừng tự nhiên và lô 144, khoảnh 1 tiểu khu 15010, đối tượng rừng ngoài quy hoạch 3 loại rừng thuộc địa giới hành chính của bản C, xã ST, huyện QS, bị chặt, phá 14.700m² (Mười bốn ngàn bảy trăm mét vuông) trong đó có 9.515m² là diện tích rừng tự nhiên có các cây gỗ xen kẽ cây Nứa và 5.340m² diện tích rừng là đất trống chỉ có cây Chuối rừng thuần loài;

Số lượng lâm sản bị thiệt hại gồm: 08 (Tám) bụi Nứa = 118 cây có đường kính từ 5 – 10cm; 28 (Hai tám) cây gỗ thông thường, có đường kính gốc từ 17 – 55cm, Tổng khối lượng gỗ bị chặt phá là 18,185m³, các cây chủ yếu là cây non, chưa có lõi, một số cây bị chết, cụt ngọn, rỗng ruột, bệnh vè, gỗ không có giá trị sử dụng;

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 05/BB-HDDG ngày 30/6/2022 của Hội đồng định giá tài sản huyện QS, tỉnh Thanh Hoá kết luận: Tổng giá trị Nứa, gỗ 18,185m³ (Mười tám khối, một tấn tám lăm) cây gỗ tự nhiên; 08 (Tám) bụi = 118 Một một tám) cây Nứa là 36.724.000đ (Ba sáu triệu bảy trăm hai bốn ngàn đồng)

Hành vi hủy hoại 9.515m² (Chín ngàn năm trăm mười lăm mét vuông) rừng mà bị cáo thực hiện gây thiệt hại về tài sản trị giá thành tiền 36.724.000đ đã phạm vào tội Hủy hoại rừng, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 Bộ luật Hình sự; Viện kiểm sát nhân dân huyện Q Sơn truy tố bị cáo như nội dung Cáo trạng là hoàn toàn đúng người, đúng tội, có căn cứ, không oan.

Hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện xâm phạm trực tiếp đến chính sách quản lý, bảo vệ rừng của Nhà nước; bị cáo không được học hành trình độ văn hoá 0/12, bị cáo là người sống ở địa phương nơi có diện tích rừng lớn, bị cáo biết diện tích rừng mà bị cáo hủy hoại không phải là tài sản của bị cáo mà là tài sản của Nhà nước, do Ủy ban nhân dân xã ST quản lý. Nhưng vì lợi ích kinh tế, kém hiểu biết, không xin phép chính quyền địa phương bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, thiệt hại thực tế xảy ra. Xét thấy cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa tội phạm chung, tuyên truyền, giáo dục ý thức chấp hành pháp luật bảo vệ rừng trong quần chúng nhân dân.

[3] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong vụ án:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo; bị cáo tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội mà mình đã thực hiện; bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn. Trình độ văn hoá 0/12, nhận thức xã hội hạn chế; Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, đại diện Ủy ban nhân dân xã ST, huyện QS, tỉnh Thanh Hoá có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, m khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, cần áp dụng để xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo. Xét nhân thân bị cáo Vi Văn A có nhân thân tốt, chưa vi phạm pháp luật lần nào, phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ; gia đình bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, bị cáo có 02 con nhỏ, đang độ tuổi ăn học, sống phụ thuộc bố mẹ; nên cho bị cáo Vi Văn A được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương, tạo điều kiện cho bị cáo chấp hành án tại nơi cư trú, cùng vợ xây dựng kinh tế gia đình, nuôi dạy các con; có khả năng tự cải tạo; có nơi cư trú rõ ràng, xét thấy không cần thiết phải bắt bị cáo cách ly khỏi xã hội mà cần cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt và phòng ngừa chung.

[4] Về phần trách nhiệm dân sự: Nguyên đơn dân sự, Ủy ban nhân huyện QS yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại thực tế số tiền 36.724.000đ (Ba sáu triệu bảy trăm hai bốn ngàn đồng), tương ứng với giá trị cây rừng mà bị cáo đã hủy hoại, căn cứ vào kết luận định giá của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện QS, yêu cầu bồi thường của nguyên đơn dân sự là có căn cứ, Nên buộc bị cáo phải bồi thường cho nhà nước số tiền 36.724.000đ (Ba sáu triệu bảy trăm hai bốn ngàn đồng), để sung quỹ Nhà nước là phù hợp với các Điều 357, 584, 585, 586 và 589 của Bộ luật dân sự..

[5] Xử lý vật chứng: Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện QS đã thu giữ vật chứng vụ án hiện đang được bảo quản tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện QS, tỉnh Thanh Hoá gồm: 01 (một) cửa xăng màu cam, tay cầm màu đen, cần tích thu hoá giá sung quỹ Nhà nước; 01 (một) lưỡi lam cửa bằng kim loại; 01 (một) con dao quắm. Đây là công cụ, phương tiện bị cáo sử dụng trực tiếp vào việc thực hiện hành vi phạm tội, vật chứng còn giá trị sử dụng cần hoá giá sung quỹ nhà nước; vật không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[6] Tang vật vụ án: Gồm 08 (Tám) bụi Nứa = 118 cây có đường kính từ 5 – 10cm; 28 (Hai tám) cây gỗ thông thường, có đường kính gốc từ 17 – 55cm, Tổng khối lượng gỗ bị chặt phá là 18,185m³, các cây chủ yếu là cây non, chưa có lõi, một số cây bị chết, cụt ngọn, rỗng ruột, bệnh vè, gỗ không có giá trị sử dụng; Trong giai đoạn điều tra cơ quan CSĐT CA huyện QS đã xử lý tiêu hủy nên HĐXX chấp nhận.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 243 Bộ luật hình sự, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000đ đến 100.000.000đ; Nhưng xét thấy bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, làm nghề lao động tự do, không có thu nhập ổn định. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với khoản tiền bị cáo phải bồi thường cho nhà nước,

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 65; điểm b khoản 1 Điều 243; điểm s, m khoản 1, 2 Điều 51- Bộ luật hình sự.

1. Tuyên bố bị cáo Vi Văn A phạm tội “Hủy hoại rừng”;

Xử phạt bị cáo Vi Văn A 30(Ba mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (Năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Vi Văn A cho UBND xã ST, huyện QS, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92-Luật thi hành án hình sự.

2. Trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật hình sự và các Điều 357, 584, 585, 586 và 589 của Bộ luật dân sự.

Buộc Vi Văn A phải bồi thường cho Nhà nước (UBND huyện QS, tỉnh Thanh Hoá) số tiền 36.724.000đ (Ba sáu triệu bảy trăm hai bốn ngàn đồng) để sung quỹ Nhà nước; “ *Đối với khoản tiền chưa bồi thường, trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên có nghĩa vụ phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.*”

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên bố tịch thu 01 (một) cửa xăng màu cam, tay cầm màu đen, chiều dài 45cm đã qua sử dụng; hóa giá sung công quỹ Nhà nước.

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) con dao quắm, dài 48cm, chiều dài lưỡi dao 28cm, chiều dài cán dao 20cm, bề rộng nhất lưỡi dao 10cm, bề hẹp nhất 1,5cm, độ dày lưỡi dao 0,5cm đã qua sử dụng; 01 (một) lưỡi lam cửa bằng kim loại, màu nâu đất kích thước dài: dài 95cm, rộng lớn nhất 10cm và bề rộng nhỏ nhất 03cm, độ dày 0,5cm (Vật chứng vụ án đang được bảo quản tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện QS, tỉnh Thanh Hoá theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản lập ngày 23/8/2022).

4. Về án phí và quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Vi Văn A phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.836.200đ (Một triệu tám trăm ba sáu ngàn hai trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch. Cộng hai khoản án phí buộc bị cáo phải nộp cho Nhà nước là 2.036.200đ (Hai triệu không trăm ba sáu ngàn hai trăm đồng).

Tuyên bố: Bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện QS;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện QS;
- Cơ quan QLTGTG, Công an huyện QS
- Bị cáo;
- Chi cục THADS huyện QS;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bàn Hữu Văn